

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 161/2024/DS-PT.

Ngày 30 - 7 - 2024.

V/v “tranh chấp quyền về lối đi”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Triệu Hữu.

Ông Đặng Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2024/TLPT - DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc: “tranh chấp quyền về lối đi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 186/2024/QĐ - PT ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị Phương T, sinh năm 1976 (vắng mặt);

2. Ông Trần Phan Hải M, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: đường Nguyễn Chế Ngh, phường 13, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh K, sinh năm 1962. Nơi cư trú: đường Trần P, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (theo giấy ủy quyền ngày 14/7/2022, có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Trần Hữu L, sinh năm 1973 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1973 (có mặt);

Cùng cư trú: khóm Đông A, phường Đông Th, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của các bị đơn: Chị Trần Thị Diễm Tr, sinh năm 1998. Nơi cư trú: khóm Đông A, phường Đông Th, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (theo giấy ủy quyền ngày 21/6/2024, có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Mạc Thị S, sinh năm 1937 (mẹ bà Phương T có đơn xin vắng mặt);

2. Anh Trần Văn N, sinh năm 1979 (em bà Phương T có đơn xin vắng mặt);

Cùng cư trú: khóm Đông A, phường Đông Th, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

3. Chị Trần Thị Diễm Tr, sinh năm 1998 (con của bị đơn có mặt);

4. Chị Trần Thuý Ng, sinh năm 2001 (con của bị đơn vắng mặt);

5. Anh Trần Minh Kh, sinh năm 2003 (con của bị đơn có mặt);

6. Anh Trần Minh Kh1, sinh năm 2008 (con của bị đơn có mặt);

Cùng cư trú: khóm Đông A, phường Đông Th, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

7. Ông Trần Văn B, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm Đông B1, phường Đông Th, thị xã Bình Minh, tỉnh

Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại Đơn khởi kiện ngày 19/7/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/02/2024 và quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Phương T, ông Trần Phan Hải M trình bày:

Năm 2003, mẹ của bà Trần Thị Phương T là cụ Mạc Thị S cho bà T và ông Trần Hữu L mỗi người 01 thửa đất liền kề với nhau, nhưng phần đất của bà T nằm phía trong không có lối đi ra lộ đal. Khi cụ Mạc Thị S cho đất thì bà T và ông Trần Hữu L thỏa thuận ông L chừa một lối đi ra đường đal cho bà T, việc thỏa thuận cụ S biết. Trong quá trình canh tác đất bà T có đến gặp ông L thỏa thuận để xin mở lối đi ra đường đal nhưng phía ông L không đồng ý, ông L chỉ đồng ý cho đi như từ trước đến nay chứ không cho mở lối đi nên giữa bà T và ông L xảy ra tranh chấp.

Bà Trần Thị Phương T và ông Trần Phan Hải M yêu cầu Toà án nhân dân thị xã Bình Minh giải quyết buộc ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị D mở lối đi chiều ngang 1,6m, chiều dài khoảng 90m, diện tích lối đi khoảng 144m², thuộc thửa số 20, tờ bản đồ 24, diện tích 2294,3m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc: Khóm Đông B1, phường Đông Th, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 23 tháng 02 năm 2024, bà Trần Thị Phương T và ông Trần Phan Hải M yêu cầu Toà án giải quyết buộc Hộ ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị D mở lối đi giáp đường bê tông là 1,61m và giáp thửa đất số 27, tờ bản đồ số 24 là 1,60m; Chiều dài là 77,35m gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 1 (theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Bình Minh lập ngày 22/8/2023), diện tích lối đi 115,0m², thuộc thửa số 20, tờ bản đồ 24, diện tích 2.294,3m², loại đất trồng cây lâu năm. Tọa lạc: Khóm Đông B1, phường Đông Th, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long do Hộ ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi vào thửa đất số 27, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.156,4m², loại đất trồng cây lâu năm do Hộ bà Trần

Thị Phương T và Trần Phan Hải M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Trần Thị Phương T, ông Trần Phan Hải M đồng ý trả giá trị diện tích đất 115,0m², thuộc thửa số 20, tờ bản đồ 24, diện tích 2.294,3m², loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại khóm Đông B1, phường Đông Th, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long cho Hộ ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị D theo định giá của Nhà nước.

Tại bản tự khai đề ngày 14 tháng 11 năm 2022 ông Trần Hữu L và bà Trần Thị D trình bày:

Ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05834, cấp ngày 22/02/2011. Trong thông báo thụ lý vụ án số 154/2022/TB-TLVA của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh ghi bà T yêu cầu Tòa giải quyết buộc vợ chồng ông L và bà D mở lối đi với chiều ngang 1,6m và chiều dài 90m, tổng diện tích là 144m², thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 24, loại đất trồng cây lâu năm. Tọa lạc: Khóm Đông B1, phường Đông Th, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long và trả giá trị đất theo định giá của Nhà nước thì ông L và bà D không đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 14/11/2022 bà Mạc Thị S trình bày:

Trước đây bà Mạc Thị S có chia cho các con là bà T và ông L mỗi người một phần đất để canh tác. Phần đất của bà T là thửa số 27, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.156,4m², loại đất trồng cây lâu năm và phần đất của ông L là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.294,3m², loại đất trồng cây lâu năm, cùng tọa lạc tại khóm Đông B1, phường Đông Th, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất của ông L có vị trí phía ngoài thửa đất của bà T. Thời điểm chia đất các bên có giao kết sẽ mở lối đi cho bà T chiều ngang là 1.6m, chiều dài là 90m, không có lập giấy tờ. Đến nay bà T yêu cầu ông L, bà D thực hiện việc mở lối đi thì ông L, bà D không đồng ý. Nay bà S có ý kiến đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T. Bà S xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai ngày 14/11/2022 ông Trần Văn N trình bày:

Ông Trần Văn N hiện đang trực tiếp canh tác trực tiếp thửa đất số 27, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.156,4m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm Đông B1, phường Đông Th, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long của bà T. Ông không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án. Ông N xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại tờ trình bày ý kiến ngày 22/9/2023, ông Trần Văn B trình bày:
Ông Trần Văn B là người sử dụng đất giáp ranh với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 24 của vợ chồng ông L, bà D. Trong quá trình sử dụng đất ông B có cất 01 căn nhà tạm bằng gỗ để chứa đồ dùng. Diện tích căn nhà tạm này có chiếm một phần diện tích thửa đất của vợ chồng ông L nay là phần diện tích bà T, ông M xin mở lối đi. Nay ông B cam kết sẽ tự tháo dỡ căn nhà tạm này, không yêu cầu hỗ trợ hoặc bồi hoàn.

Chị Trần Thị Diễm Tr, chị Trần Thúy Ng, anh Trần Minh Kh, anh Trần Minh Kh1 vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/3/2024, không đưa ra ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 147, Điều 165, 244, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 100, 166 Luật đất đai 2013; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương T và Trần Phan Hải M.

1. Buộc Hộ ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị D dành cho bà Trần Thị Phương T và Trần Phan Hải M phần đất diện tích lối đi là 115,0m², thuộc thửa số 20, tờ bản đồ 24, thuộc tách thửa tại các mốc 1-2 giáp đường bê tông là 1,61m, tại mốc 3-4 giáp thửa đất số 27 là 1,60m, chiều dài tại các mốc 1-6-5-4 là 76,64m, tại các mốc 2-3 là 77,35m, diện tích 115,0m², thuộc thửa số 20, tờ bản đồ 24, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm Đông B1, phường Đông Th, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, đất do Hộ ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng để làm lối đi từ đường bê tông vào thửa đất số 27, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.156,4m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm Đông B1, phường Đông Th, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc ông bà Trần Thị Phương T và Trần Phan Hải M trả cho Hộ ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị D số tiền 33.680.000 đồng (ba mươi ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) và nguyên đơn được quyền quản lý số cây trồng đã bồi thường giá trị cho bị đơn, trong đó:

- Tiền giá trị 115m² đất: 31.050.000 đồng (ba mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tiền giá trị cây trồng trên đất là: 2.630.000 đồng (hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng). Số cây trồng cụ thể như sau:

- 01 cây mít 02 năm tuổi, thành tiền 170.000 đồng.
- 01 cây dừa trên 01 năm tuổi, thành tiền 250.000 đồng.
- 01 cây dừa 03 năm tuổi, thành tiền 900.000 đồng.
- 01 cây dừa 05 năm tuổi, thành tiền 1.310.000 đồng.

(kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 25/7/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Bình Minh)

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/4/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị D kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm và xác minh, khảo sát thực tế lại tất cả các bản tự khai của nguyên đơn. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị D là chị Trần Thị Diễm Tr vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo bà D.

Ông Nguyễn Mạnh K đại diện hợp pháp cho các nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bà Nguyễn Thị D. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Diễm Tr, anh Trần Minh Kh và anh Trần Minh Kh1 thống nhất với kháng cáo của bà D và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về

phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D đúng về hình thức, nội dung và còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung:

[1] Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 22/08/2023 thì hướng đi ra đường công cộng từ thửa đất số 27 của bà T và ông M phải đi qua thửa đất số 20, tờ bản đồ số 24 do hộ ông L và bà D. Theo đó phần diện tích đất bà T yêu cầu mở lối đi có chiều ngang tại các mốc 1-2 giáp đường bê tông là 1,61m, tại mốc 3-4 giáp thửa đất số 27 là 1,60m, chiều dài tại các mốc 1-6-5-4 là 76,64m, tại các mốc 2-3 là 77,35m, có tổng diện tích là 115m². Như vậy, so với phần diện tích đất thực tế của toàn thửa đất số 20 là 2.294,3m² thì việc mở lối đi không gây ảnh hưởng lớn về mặt hình thể cũng như diện tích đất đối với thửa đất số 20. Vì vậy, căn cứ quy định tại

Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 về quyền về lối đi quy định “*Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ...*”. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn mở lối đi cho nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

[2] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bị đơn bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 147, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 100, 166 Luật đất đai 2013; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương T và Trần Phan Hải M.

1. Buộc Hộ ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị D mở cho bà Trần Thị Phương T và Trần Phan Hải M lối đi diện tích là 115,0m², loại đất trồng cây lâu năm, thuộc tách thửa số 20, tờ bản đồ 24, tại các mốc 1-2 giáp

đường bê tông là 1,61m, tại mốc 3-4 giáp thửa đất số 27 là 1,60m, chiều dài tại các mốc 1-6-5-4 là 76,64m, tại các mốc 2-3 là 77,35m, tọa lạc tại khóm Đông B1, phường Đông Th, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, đất do Hộ ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng để làm lối đi từ đường bê tông vào thửa đất số 27, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.156,4m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm Đông B1, phường Đông Th, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc ông bà Trần Thị Phương T và Trần Phan Hải M trả cho Hộ ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị D số tiền 33.680.000 đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) và nguyên đơn được quyền quản lý số cây trồng đã bồi thường giá trị cho bị đơn, trong đó:

- Tiền giá trị 115m² đất: 31.050.000 đồng (ba mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).
- Tiền giá trị cây trồng trên đất là: 2.630.000 đồng (hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng). Số cây trồng cụ thể như sau:
 - 01 cây mít 02 năm tuổi, thành tiền 170.000 đồng.
 - 01 cây dừa trên 01 năm tuổi, thành tiền 250.000 đồng.
 - 01 cây dừa 03 năm tuổi, thành tiền 900.000 đồng.
 - 01 cây dừa 05 năm tuổi, thành tiền 1.310.000 đồng.

(Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 25/7/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Bình Minh).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc bà T và ông M phải chịu chi phí đo đạc là 2.431.000 đồng (hai triệu bốn trăm ba mươi một nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 4.862.000 đồng (Bốn triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Buộc ông L, bà D chịu tiền chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là 2.431.000

đồng (hai triệu bốn trăm ba mươi một nghìn đồng). Bà T và ông M đã nộp tạm ứng trước nên buộc ông L và bà D nộp 2.431.000 đồng (hai triệu bốn trăm ba mươi một nghìn đồng) để hoàn trả cho bà T và ông M.

4. Về án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà T, ông M chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.684.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 972.000 đồng do ông Trần Phan Minh H (Trần Phan Hải M) nộp theo biên lai thu tiền số 0012873, ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Bình Minh. Nên bà T và ông M còn phải nộp thêm số tiền án phí là 712.000 đồng.

Buộc ông L và bà D chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị D phải nộp tiền án phí phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà D đã nộp theo biên lai thu số 0012609 ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Bà D không phải nộp thêm

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND TX Bình Minh: 01b;
- Chi cục THADS TX Bình Minh: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trường